

Bản án số: 146/2024/DS-PT

Ngày: 09/8/2024

"V/v tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung
và tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2023/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2024/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị C - sinh năm: 1959 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M - sinh năm: 1950 (có mặt)

Bà Trần Thị Xuân H - sinh năm: 1948 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, T, Bình Định.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Thanh M: Ông Nguyễn Văn T – Văn phòng L4, Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: A N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Thanh M và bà Trần Thị Xuân H: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1973; Địa chỉ: F T, khối P, thị trấn P, huyện T, Bình Định. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị D – sinh năm: 1961; Đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị D: Ông Võ Văn S – sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: KP . T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. (đều có mặt)

2. Ông Nguyễn Hữu Đ – sinh năm: 1955 (có mặt)

3. Ông Nguyễn Thanh H1 – sinh năm: 1982 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Thanh B – sinh năm: 1988 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, h . T, Bình Định.

5. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 – sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: A B, P.L, Tp ., Tp ..

6. Bà Nguyễn Thị Như H2 – sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, Bình Định

7. Bà Nguyễn Thị Thanh C1 – sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Nghĩa, xã Tân Thành, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng

8. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 – sinh năm: 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa, h.Tuy Phước, Bình Định

9. Bà Nguyễn Thị Thanh V – sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: KV . H, P.N, thị xã A, Bình Định

10. Bà Nguyễn Thị H3 – sinh năm: 1970 (có mặt)

11. Bà Trần Thị T3 – sinh năm: 1989 (có mặt)

12. Bà Nguyễn Thị L – sinh năm: 1947 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Đắc Nhơn 2, xã Nhơn Sơn, h.Ninh Sơn, Ninh Thuận

13. Bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: 06 Trần Hưng Đạo, TT.Phú Phong, h.Tây Sơn, Bình Định

14. Bà Nguyễn Thị B1 – sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 119/21 Bình Thung 1, P.Bình An, Tp.Dĩ An, Bình Dương

15. Bà Nguyễn Thị L1 – sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đắc Nhơn 1, xã Nhơn Sơn, h.Ninh Sơn, Ninh Thuận

16. Ông Nguyễn Anh B2 – sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A đường số F, KP . L, P.L, Tp ., tp ..

17. Ông Nguyễn Anh Q – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, đường H, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, Tổ A, KP.2, P.T, TX . B, Bình Dương

Do có kháng cáo của bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh M, Nguyễn Hữu Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Võ Thị C và đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị L2 trình bày: Cha, mẹ chồng của bà là ông Nguyễn Văn H4 và bà Nguyễn Thị L3. Cha mẹ chồng của bà sinh được 07 người con gồm bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hồng T4, ông Nguyễn Thanh M, ông Nguyễn Thanh X, bà Nguyễn Thị Thanh C1, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị H3. Ông Nguyễn Văn H4 chết vào ngày 24 tháng 3 năm 1992, bà Nguyễn Thị L3 chết vào ngày 19 tháng 10 năm 2007. Ông, bà nội và ông, bà ngoại của chồng bà đều đã chết và chết trước cha, mẹ chồng của bà. Ông Nguyễn Hồng T4 chết vào ngày 18 tháng 9 năm 2009; ông T4 có vợ là bà Đặng Thị D; vợ chồng ông T4, bà D sinh được 01 người con là Nguyễn Thị G chết vào năm 2012. Chồng của bà là ông Nguyễn Thanh X chết vào ngày 23 tháng 3 năm 2017; vợ chồng của bà sinh được 04 người con gồm Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Như H2. Khi còn sống cha mẹ chồng của bà được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 480m² và ngôi nhà cấp 4 xây dựng phía tây của thửa đất, chuồng gà, giếng nước đào; tọa lạc tại địa chỉ Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Nguồn gốc thửa đất trên do ông bà bên phía cha chồng của bà giao cho cha, mẹ chồng của bà sử dụng. Hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H đang quản lý di sản trên. Cha, mẹ chồng của bà và chồng của bà chết đều không để lại di chúc. Bà khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế tài sản thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4, chuồng gà, giếng nước đào xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 là di sản của cha, mẹ chồng bà chết để lại theo quy định của pháp luật. Chồng của bà chết sau cha mẹ chồng của bà nên bà yêu cầu phân chia cho bà và các con của bà được nhận phần di sản mà chồng của bà được nhận từ di sản trên của cha mẹ chồng của bà chết để lại theo quy định của pháp luật; bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là ngôi nhà cấp 4, chuồng gà và phần diện tích đất phía tây của thửa đất.

Đối với các thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là tài sản chung của hộ gia đình mẹ chồng bà. Tại thời điểm nhà nước giao quyền cho hộ gia đình mẹ chồng bà sử dụng các thửa đất trên thì trong hộ gia đình mẹ chồng bà gồm các thành viên được quyền sử dụng các thửa đất trên gồm bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Hồng T4, bà Nguyễn Thị Thanh T2, chị Trần Thị T3, chị Nguyễn Thị Thanh V.

Tại đơn khởi kiện và yêu cầu trước đây, bà yêu cầu phân chia tài sản chung các thửa đất trên của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L3 theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản của mẹ chồng bà chết để lại trong khối tài sản chung trên thì bà yêu cầu phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật; bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa nhưng nay bà đồng ý tặng cho phần thừa kế của bà và các con của bà được nhận từ di sản của bà Nguyễn Thị L3 chết để lại trong khối tài sản chung là các thửa đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H; bà Đặng Thị D; bà Nguyễn Thị Thanh T2; chị Nguyễn Thị Thanh V; chị Trần Thị T3 sử dụng và tự định đoạt đối với các tài sản nêu trên.

Bà xin rút yêu cầu phân chia các thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 168,5m² đất trồng lúa; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 1265,5m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, diện tích 556,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 5, diện tích 944,3m² đất trồng lúa; thửa đất số 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 304,4m² đất trồng lúa; thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 886,1m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M trình bày: Ông thông nhất về mối quan hệ gia đình của ông như bà Võ Thị C trình bày là đúng. Nguồn gốc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 480m² do ông cố của ông là cụ Nguyễn B3 giao lại cho ông nội của ông là cụ Nguyễn M1 sử dụng. Sau đó ông nội của ông giao cho cha, mẹ của ông sử dụng để xây dựng nhà ở làm nơi thờ cúng ông, bà trong dòng họ. Cha, mẹ của ông xây dựng ngôi nhà cấp 4 phía tây của thửa đất để làm nhà ở và nơi thờ cúng ông, bà. Khi cha, mẹ ông còn sống đã giao toàn bộ thửa đất và ngôi nhà nêu trên cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng ông bà. Vợ chồng ông đã sửa chữa ngôi nhà cấp 4 trên vào các năm 2001, 2007, 2017. Vợ chồng ông có xây dựng thêm ngôi nhà cấp 4 trên phần diện tích đất ở phía đông của thửa đất và xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân xi măng trên đất. Vì ngôi nhà cấp 4 ở phía tây của thửa đất và toàn bộ diện tích thửa đất trên của ông, bà, cha, mẹ ông chết để lại cho vợ chồng ông sử dụng để làm nơi thờ cúng ông, bà trong dòng họ nên ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên phần diện tích phía tây của thửa đất. Ông cũng không yêu cầu công nhận cho vợ chồng ông được quyền sở hữu, sử dụng tài sản trên mà để lại làm nơi thờ cúng ông, bà. Trường hợp Toà án chia thừa kế tài sản thửa đất và ngôi nhà nêu trên thì ông không đồng ý, vì tài sản trên không phải là di sản của cha mẹ ông chết để lại mà là tài sản chung trong dòng họ. Tại biên bản hoà giải, người đại diện hợp pháp của ông có trình bày nếu Toà án phân chia thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà cấp 4 trên thì ông chỉ yêu cầu phân chia phần diện tích 150m² đất ở mà bà Nguyễn Thị L3 đăng ký kê khai; ông yêu cầu nhận bằng hiện vật diện tích 150m² đất ở nêu trên nhưng tại phiên toà hôm nay ông không đồng ý với ý kiến trên của người đại

diện hợp pháp của ông; ông vẫn giữ nguyên ý kiến của ông là không đồng ý phân chia thừa kế tài sản ngôi nhà và thửa đất trên mà để lại làm nơi thờ cúng ông, bà.

Đối với các thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa thì ông thống nhất là tài sản chung của hộ gia đình mẹ ông. Tại thời điểm nhà nước giao quyền cho hộ gia đình mẹ ông sử dụng các thửa đất trên thì có các thành viên được quyền sử dụng đất gồm bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Hồng T4, bà Nguyễn Thị Thanh T2, chị Trần Thị T3, chị Nguyễn Thị Thanh V. Nay ông đồng ý phân chia tài sản chung gồm các thửa đất trên; phần di sản của mẹ ông chết để lại trong khối tài sản chung các thửa đất trên thì ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu nhận bằng hiện vật thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa. Ngoài ra, ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đại diện hợp pháp bị đơn bà Trần Thị Xuân H: Bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà Trần Thị Xuân H là vợ của ông Nguyễn Thanh M. Hiện nay vợ chồng ông M, bà H đang quản lý di sản thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên phần diện tích phía tây của thửa đất. Bà H thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của ông M. Ngoài ra, bà H không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày là đúng. Nguồn gốc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 của cha, mẹ bà chết để lại. Cha, mẹ của bà chết không để lại di chúc nên bà đồng ý phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất trên theo quy định của pháp luật. Nếu Toà án phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật nhưng bà tặng cho cho bà Võ Thị C sở hữu, sử dụng. Đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là tài sản chung của hộ gia đình mẹ bà. Phần di sản của mẹ bà chết để lại thì bà yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật nhưng bà tặng cho cho bà Võ Thị C sử dụng. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Bà Nguyễn Thị D1 trình bày:* Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình của chồng bà như bà Võ Thị C trình bày. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế thửa đất số 486,

tờ bản đồ số 4, ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 nêu trên vì tài sản này của ông, bà trong dòng họ để lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M thờ cúng ông, bà, cha, mẹ bên phía chồng của bà. Nếu Toà án phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật nhưng bà tặng cho cho vợ chồng ông M, bà H sở hữu, sử dụng. Đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L3 chết để lại thì bà đồng ý phân chia theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu chia cho bà và chị Trần Thị T3 được quyền sử dụng chung thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác; bà yêu cầu nhận bằng hiện vật; bà đồng ý thanh toán lại cho chị Trần Thị T3 số tiền 45.022.500 đồng; bà yêu cầu chị Trần Thị T3 có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà. Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với các thửa đất còn lại. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh C1 trình bày: Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày. Nguồn gốc thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 của ông cố của bà là cụ Nguyễn B3 chết để lại cho ông nội của bà là cụ Nguyễn M1; ông nội của bà có xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất. Ông, bà nội của bà giao thửa đất và ngôi nhà cho cha của bà để làm nơi thờ cúng ông bà chứ thửa đất trên không phải do cha, mẹ của bà tạo lập nên bà Võ Thị C không có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất và ngôi nhà nêu trên mà để làm nơi thờ cúng ông bà. Sau khi cha mẹ của bà chết thì dòng họ thống nhất giao ngôi nhà và thửa đất trên cho ông Nguyễn Thanh M quản lý, sử dụng để thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Đối với các thửa đất nông nghiệp còn lại thì bà yêu cầu giao cho ông M sử dụng để thờ cúng ông, bà. Bà không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với các thửa đất trên. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày: Bà thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày. Bà đồng ý phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 nêu trên theo quy định của pháp luật. Nếu Toà án phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật nhưng bà tặng cho cho bà Võ Thị C sở hữu, sử dụng. Đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L3 chết để lại thì bà không tranh chấp hay yêu cầu gì vì bà đã nhận tiền đền bù đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa. Đối với các thửa đất còn lại thì bà đồng ý giao cho vợ chồng ông

Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H; bà Đặng Thị D; chị Nguyễn Thị Thanh V; chị Trần Thị T3 sử dụng và tự định đoạt đối với các tài sản nêu trên. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị H3 trình bày: Bà thông nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày. Bà đồng ý phân chia di sản thừa kế của cha mẹ bà chết để lại là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 theo quy định của pháp luật. Nếu Toà án phân chia di sản trên theo quy định của pháp luật thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật nhưng bà tặng cho cho bà Võ Thị C sở hữu, sử dụng. Đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là tài sản chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L3 chết để lại thì bà không tranh chấp hay yêu cầu gì. Bà đồng ý giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H; bà Đặng Thị D; bà Nguyễn Thị Thanh T2; chị Nguyễn Thị Thanh V; chị Trần Thị T3 sử dụng và tự định đoạt đối với các tài sản nêu trên. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà Võ Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia các thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 168,5m² đất trồng lúa; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 1265,5m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, diện tích 556,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 5, diện tích 944,3m² đất trồng lúa; thửa đất số 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 304,4m² đất trồng lúa; thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 886,1m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên chị không yêu cầu gì. Ngoài ra, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Anh Nguyễn Anh B2 trình bày: Bà Võ Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia các thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 168,5m² đất trồng lúa; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 1265,5m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, diện tích 556,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 5, diện tích 944,3m² đất trồng lúa; thửa đất số 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 304,4m² đất trồng lúa; thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 886,1m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên anh không yêu cầu gì. Ngoài ra, anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Chị Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Anh Q, Nguyễn Thị Hồng VI: Bà Võ Thị C yêu cầu khởi kiện về việc phân chia các thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 168,5m² đất trồng lúa; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 1265,5m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, diện tích 556,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 5, diện

tích 944,3m² đất trồng lúa; thửa đất số 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 304,4m² đất trồng lúa; thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 886,1m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định thì các anh, chị không đồng ý vì các thửa đất trên được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho hộ gia đình các anh, chị. Ngoài ra, các anh, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Anh Nguyễn Thanh H1, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Thanh B, chị Nguyễn Thị Như H2 trình bày: Các anh, chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà Võ Thị C. Nếu được nhận một phần di sản của cha các anh, chị chết để lại mà cha của các anh, chị được nhận của ông, bà nội của các anh, chị thì các anh, chị yêu cầu nhận bằng hiện vật và tặng cho lại cho bà Võ Thị C sở hữu, sử dụng. Ngoài ra, các anh, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Chị thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày. Nay bà Võ Thị C yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là một phần di sản của bà Nguyễn Thị L3 chết để lại trong khối tài sản chung trên thì chị yêu cầu giao cho chị được quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác. Chị không tranh chấp gì đối với các thửa đất còn lại. Ngoài ra, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Chị Trần Thị T3 trình bày: Chị thống nhất về mối quan hệ gia đình như bà Võ Thị C trình bày. Nay bà Võ Thị C yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa là một phần di sản của bà Nguyễn Thị L3 chết để lại trong khối tài sản chung trên thì chị yêu cầu chia cho chị và bà Đặng Thị D được quyền sử dụng chung thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác; chị yêu cầu giao cho bà D được quyền sử dụng thửa đất trên; bà D có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị số tiền 45.022.500 đồng. Chị đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà D. Chị không tranh chấp gì đối với các thửa đất còn lại. Ngoài ra, chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- Ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Ông không tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc với bên bị đơn, nhưng ông có liên quan đến vụ án dân sự nêu trên. Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên phần phía tây của thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 mà bà Võ Thị C yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc của họ tộc qua nhiều đời. Từ đời ông Nguyễn B3 là ông có của ông sống, thờ cúng và trực canh tại thửa đất này. Khi ông Nguyễn B3 chết

thì ông nội của ông là ông Nguyễn M1 ở và thờ cúng cha, mẹ, ông, bà, dòng họ, tổ tiên. Sau khi ông Nguyễn M1 chết, các con ông Nguyễn M1 thống nhất bán 02 thửa ruộng lấy tiền giao cho ông Nguyễn Văn H4 xây dựng nhà trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4. Sau khi vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết thì vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H quản lý ngôi nhà để thờ cúng ông, bà trong dòng họ. Do đó, thửa đất và ngôi nhà nêu trên là nhà thờ họ chứ không phải là di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết để lại nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C mà để ngôi nhà và thửa đất trên làm nơi thờ cúng ông, bà trong dòng họ. Ngoài ra, ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 175/2023/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu phân chia tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết để lại theo pháp luật.

2. Xác định thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 480m² đất ở tại nông thôn và ngôi nhà mã hiệu N6, diện tích 68m²; chuồng gà; giếng nước đào được xây dựng trên thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết để lại.

3. Ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết không để lại di chúc nên phân chia thừa kế tài sản nêu trên theo pháp luật.

4. Chia, giao cho bà Võ Thị C được trọn quyền sở hữu, sử dụng phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 243,4m² đất ở; ngôi nhà mã hiệu N6, diện tích 68m²; chuồng gà và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên một phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 được giao, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Hiện nay, vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H có nghĩa vụ giao lại cho bà Võ Thị C sở hữu, sử dụng tài sản trên (phần đất và tài sản ký hiệu phần A trong bản đồ địa chính kèm theo Bản án này).

5. Chia giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H được trọn quyền sở hữu, sử dụng một phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 236,6m² đất ở; ngôi nhà mã hiệu N6, diện tích 76,5m², giếng nước đào và các tài sản khác gắn liền với đất được xây dựng trên một phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 được giao, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Hiện nay, vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H đang quản lý, sử dụng tài sản trên (Phần đất và tài sản ký hiệu phần B trong bản đồ địa chính kèm theo Bản án này).

6. Chia, giao cho chị Nguyễn Thị Thanh V được trọn quyền sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Hiện nay chị V đang quản lý thửa đất trên.

7. Chia, giao cho bà Đặng Thị D được trọn quyền sử dụng thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Hiện nay bà Võ Thị C đang quản lý thửa đất trên nên buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ giao thửa đất trên cho bà Đặng Thị D sử dụng.

8. Chia, giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H được trọn quyền sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa; Đới 9, thôn L, xã P, huyện T, Bình Định; Hiện nay vợ chồng ông M, bà H đang quản lý thửa đất trên.

9. Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất được giao quyền sử dụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

10. Buộc bà Võ Thị C có nghĩa vụ thanh toán lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H số tiền 87.429.500 đồng.

11. Buộc bà Đặng Thị D có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Trần Thị T3 số tiền 45.029.500 đồng.

12. Buộc chị Trần Thị T3 có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị D 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BH132192, số vào sổ cấp GCN CH04187 do UBND huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 04/8/2011.

13. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu phân chia các thửa đất số 544, tờ bản đồ số 4, diện tích 168,5m² đất trồng lúa; thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 1265,5m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, diện tích 556,3m² đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 1095, tờ bản đồ số 5, diện tích 944,3m² đất trồng lúa; thửa đất số 190, tờ bản đồ số 12, diện tích 304,4m² đất trồng lúa; thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 886,1m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; phần án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 18/12/2023, bà Đặng Thị D kháng cáo yêu cầu nhận giá trị thửa đất 1035m² thuộc thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² bà không đồng ý nhận bằng hiện vật; yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh M thanh toán lại kỹ phần mà bà được hưởng đối với di sản cho mẹ chồng bà chết để lại là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà, giếng nước, chuồng gà.

- Ngày 20/12/2023 ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Xuân H5 yêu cầu Tòa án sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận một phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 330m², tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà. Tuyên xử phần diện tích 75m²

đất có nhà thuộc một phần thửa đất 486, tờ bản đồ số 4 hết thời hiệu chia thừa kế nên giao cho vợ chồng ông bà phần diện tích này; chia 75m² đất có nhà thuộc một phần thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 cho 08 kỹ phân bằng nhau, trong đó vợ chồng ông bà được chia 02 kỹ phần do có công thờ cúng ông, bà, tổ tiên; vợ chồng ông bà xin nhận bằng hiện vật và thanh toán lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông M xin rút kháng cáo về việc xem xét thời hiệu chia thừa kế.

- Ngày 21/12/2023, ông Nguyễn Hữu Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4 và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất phía Tây của thửa đất tọa lạc tại Đới 9, thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định vì đây là tài sản dùng làm nhà thờ họ chứ không phải di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết để lại.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Thanh M, luật sư Nguyễn Văn T trình bày: Tại phiên tòa Luật sư rút yêu cầu xem xét về thời hiệu chia thừa kế và đề nghị công nhận thửa đất số 325 tờ bản đồ số 1 diện tích 330m² là của vợ chồng ông Nguyễn Thanh M; thửa đất số 326 tờ bản đồ số 01 diện tích 150m² là di sản thừa kế do cha mẹ để lại nên yêu cầu chia và xin nhận 75m².

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Cần phải thu thập làm rõ quá trình sử dụng, kê khai cũng như diện tích hiện tại, sơ đồ giải thửa đối với thửa đất 325 mà ông M đã kê khai trước đây nay nằm trong thửa đất 486, tờ bản đồ số 4, vì thửa đất này ông M sử dụng ổn định, liên tục từ trước năm 1993 đến nay, có căn cứ xác định thửa đất 325 thuộc quyền sở hữu của ông M. Vì vậy, kháng cáo của ông M là có cơ sở; Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nhưng tuyên thửa đất 486, tờ bản đồ số 4 là di sản của ông H4, bà L3 chia di sản thừa kế theo pháp luật thửa 486 cho các đồng thừa kế là thiếu cơ sở vững chắc. Đề nghị HĐXX căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh M. áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS, hủy Bản án sơ thẩm số 175/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của TAND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị D; ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H; ông Nguyễn Hữu Đ là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo phù hợp. Do đó, kháng cáo của đương sự là hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273, Điều 276, Điều 277 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông M xin rút kháng cáo về xem xét thời hiệu chia thừa kế. Việc ông M rút kháng cáo phần xem xét thời hiệu chia thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX cấp phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ Luật tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu này.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn bà Võ Thị C khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thừa kế là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 480m² đất ở (gọi tắt là thửa 486) và ngôi nhà cấp 4 diện tích 68m², chuồng gà, giếng nước đào; yêu cầu phân chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị L3 chết không để lại di chúc đối với khối tài sản chung là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² đất trồng cây hàng năm (gọi tắt là thửa 12); thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác (gọi tắt là thửa 598); thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² đất trồng lúa (gọi tắt là thửa 82); thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² đất trồng lúa (gọi tắt là thửa 189). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp tài sản thuộc sở hữu chung và tranh chấp về thừa kế tài sản*” là đúng quy định pháp luật.

[2.2]. *Thời điểm mở thừa kế:* Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế là thời điểm cụ L3 chết và chia thừa kế theo quy định pháp luật là đúng quy định tại khoản 1 Điều 611; điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự.

[2.3]. *Di sản thừa kế:*

- Bà Võ Thị C yêu cầu phân chia thừa kế tài sản là: Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 480m² đất ở (viết tắt là thửa đất 486); ngôi nhà cấp 4, diện tích 68m², chuồng gà, giếng nước đào được xây dựng trên thửa đất 486.

- Bà Võ Thị C yêu cầu phân chia tài sản của bà Nguyễn Thị L3 (chết) để lại: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 465,3m² (viết tắt là thửa đất số 12); Thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² (viết tắt là thửa đất số 598); Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 12, diện tích 846,6m² (viết tắt là thửa đất số 82); thửa đất số 189, tờ bản đồ số 12, diện tích 655,9m² (viết tắt là thửa đất số 189).

[2.4]. *Hàng thừa kế theo quy định pháp luật:* Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, theo hàng thừa kế thứ nhất như sau: Vợ chồng ông Nguyễn Văn H4 (chết năm 1992), bà Nguyễn Thị L3 (chết năm 2007), vợ chồng ông H4 có 7 người con gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Hồng T4, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Thị Thanh C1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị H3. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H4 và cụ Nguyễn Thị L3 gồm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hồng T4 (chết), ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Thanh C1 và ông Nguyễn Thanh X (chết)

+ Ông Nguyễn Hồng T4 (chết năm 2009) có vợ là Nguyễn Thị D1, có 01 con chung tên Nguyễn Thị G (chết năm 2012). Do đó, bà D1 được hưởng phần di sản thừa kế của ông T4 khi cha mẹ ông chết để lại.

+ Ông Nguyễn Thanh X (chết năm 2017) có vợ là Võ Thị C, có 04 con chung: Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T1, Nguyễn Thị Như H2. Do đó, bà C cùng các con được hưởng phần di sản thừa kế của ông X khi cha mẹ ông chết để lại.

[2.5]. *Giá trị di sản thừa kế*: Vợ chồng ông H4 chết để lại là các thửa đất số 486, 12, 598, 82, 189; Tài sản ngôi nhà cấp 4 diện tích 68m², chuồng gà, giếng nước có giá trị: 106.828.000 đồng + 1.125.000 đồng + 6.000.000 đồng = 113.953.000 đồng; diện tích đất có giá trị 480m² x 4.000.000 đồng/m² = 1.920.000.000 đồng. Tổng giá trị nhà, đất, tài sản gắn liền trên đất: 2.033.953.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị Thanh T2 và 04 người con của bà C đều đồng ý tặng cho kỹ phần di sản được nhận cho bà C. Vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H là người có công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo di sản nên di sản được chia 08 kỹ phần gồm: 7 kỹ phần cho 7 người con của vợ chồng ông H4 và 01 kỹ phần là công sức đóng góp của vợ chồng ông M. Do đó, kỹ phần của bà C được nhận là: Mỗi kỹ phần được nhận có giá trị 2.033.953.000 đồng : 8 = 254.244.125 đồng; giá trị kỹ phần bà C được nhận là 254.244.125 đồng x 4 = 1.016.976.500 đồng; Phần kỹ phần của bà D1 (BL.264), bà T2 (BL.99) đã thống nhất cho vợ chồng ông M; vợ chồng ông M, bà H 03 kỹ phần và nhận thêm 01 kỹ phần do công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo di sản là 254.244.125 đồng x 4 = 1.016.976.500 đồng.

[3]. *Xét kháng cáo của bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh M và vợ là bà Trần Thị Xuân H, ông Nguyễn Hữu Đ:*

[3.1]. *Bà Đặng Thị D kháng cáo*: Yêu cầu nhận giá trị thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m² bà không đồng ý nhận bằng hiện vật; yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh M thanh toán lại kỹ phần mà bà được hưởng đối với di sản cho mẹ chồng bà chết để lại là thửa đất số 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà, giếng nước, chuồng gà.

Đối với thửa đất 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1035m², loại đất trồng cây hàng năm khác theo đo đạc Vlap năm 2013, ông Nguyễn Thanh M kê khai các thửa đất năm 1993 là của bà Nguyễn Thị L3. Các đương sự trong vụ án đều thống nhất đây là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L3 gồm: Bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Hồng T4 (chết), bà Nguyễn Thị Thanh T2, chị Trần Thị T3 (con bà Nguyễn Thị H5), chị Trần Thị Thanh V2 (con bà Nguyễn Thị Thanh T2). Ông Nguyễn Hồng T4 chết ngày 18/9/2009 có vợ là bà Nguyễn Thị D1 nên thống nhất giao cho Nguyễn Thị D1 được quyền sử dụng thửa đất số 598, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.035m² đất trồng cây hàng năm khác. Bà D1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Trần Thị Thạch ½ giá trị thửa đất tương ứng với số tiền 45.022.500 đồng. Chị Trần Thị T3 có nghĩa vụ trả lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà D1. (Đất này bà C đang quản lý, sử dụng BL.75). Việc bà D1 yêu cầu không nhận lại hiện vật mà xin nhận bằng giá trị của thửa đất và yêu cầu vợ chồng ông M, bà H5 thanh toán cho bà D1 giá trị kỹ phần thửa đất 486. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông M không đồng ý chia và tại cấp sơ thẩm bà đã thỏa thuận cho kỹ phần của bà tại thửa đất 486, tờ bản đồ số 4 cho vợ chồng ông M. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà D1 không được chấp nhận.

[3.2]. *Vợ chồng ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H kháng cáo: Yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận một phần thửa đất 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 330m² đất có nhà tọa lạc tại Đ, thôn L, xã P, huyện T thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông bà. Tuyên phần diện tích 75m² đất có nhà thuộc một phần thửa đất 486, tờ bản đồ số 4 hết thời hiệu thừa kế nên giao cho vợ chồng ông tiếp tục quản lý; chia 75m² đất nhà thuộc một phần thửa đất 486 cho 8 kỹ phần bằng nhau, trong đó vợ chồng ông được 2 kỹ phần do có công thờ cúng ông, bà, tổ tiên; vợ chồng ông M yêu cầu nhận bằng hiện vật và thanh toán lại bằng tiền cho các đồng thừa kế.*

Xét thấy nguồn gốc thửa đất 486, tờ bản đồ số 4, ngôi nhà cấp 4 diện tích 68m² gồm chuồng gà, giếng nước đào xây trên phần đất phía Tây của thửa đất:

- Theo sơ đồ địa chính năm 1993, ông Nguyễn Thanh M kê khai là thửa đất số 325, tờ bản đồ số 1, diện tích 330m² (*trong đó, 200m² đất ở và 130m² đất trồng cây hàng năm khác*); bà Nguyễn Thị L3 kê khai thửa đất số 326, tờ bản đồ số 1, diện tích 150m² đất ở.

- Theo sơ đồ địa chính năm 2013 (Dự án Vlap) ông Nguyễn Thanh M kê khai thửa đất 486, tờ bản đồ số 4, diện tích 539,3m² (*trong đó, 59,3m² đất lán ao, các đương sự thống nhất không tranh chấp phần diện tích lán chiếm*).

- Theo kết quả đo đạc các đương sự thống nhất diện tích sử dụng thực tế là 480m² (*hiện nay thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguồn gốc thửa đất trên là do ông Nguyễn B3 chết để lại cho con trai là ông Nguyễn M1, sau khi ông M1 chết để lại cho vợ chồng ông H4 quản lý, sử dụng. Vợ chồng ông H4 tiến hành xây dựng ngôi nhà trên phần đất phía Tây của thửa đất 486. Thời gian vợ chồng ông H4 còn sống thì vợ chồng ông Nguyễn Thanh M cũng đến ở chung trong căn nhà này đến khi vợ chồng ông H4 chết thì ông M trực tiếp quản lý. Vợ chồng ông M trình bày đã nhiều lần sửa sang ngôi nhà này và đồng thời xây dựng ngôi nhà cấp 4 ở phía Đông thửa đất. Vợ chồng ông M cho rằng năm 1991 cha mẹ ông bà đã đồng ý cho vợ chồng xây dựng một căn nhà cấp 4 ở phía Đông, còn ngôi nhà cấp 4 ở phía Tây và toàn bộ diện tích thửa đất 486 cha mẹ ông đã để lại cho ông bà quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng ông, bà trong dòng họ. Lời trình bày của vợ chồng ông M không được bà C, bà L, bà T2, bà H3 thừa nhận, các bà cho rằng đất này là của cha mẹ chết để lại cho các đồng thừa kế chứ không phải là đất của tộc họ dùng làm nơi thờ cúng, việc vợ chồng ông

M về ở trên thửa đất là ở tạm thời chung với cha mẹ chứ không phải cho đất làm tài sản riêng; vợ chồng ông M trình bày cha mẹ đã giao đất để làm nơi thờ cúng ông bà nhưng vợ chồng ông bà không có gì để chứng minh. Điều 645 của Bộ luật Dân sự về Di sản dùng vào việc thờ cúng quy định di sản của người chết để lại dùng thờ cúng khi người chết lập di chúc để lại tài sản dùng vào việc thờ cúng. Vợ chồng ông H4, bà L3 chết không để lại di chúc cho nên việc vợ chồng ông M kháng cáo cho rằng diện tích thửa đất 486 là di sản của vợ chồng ông H4 giao cho ông M dùng vào việc thờ cúng là không có cơ sở nên không chấp nhận phần kháng cáo này.

Đối với kháng cáo yêu cầu xin được nhận diện tích 75m² (1/2 thửa 326) để vợ chồng ông bà trọn quyền quản lý, sử dụng. Như nhận định tại phần [3.2], thửa đất 486, tờ bản đồ số 4 có tổng diện tích 480m² là di sản của ông H4, bà L3 để lại nên cần phải chia đều cho các đồng thừa kế, việc cấp sơ thẩm đã phân chia di sản theo pháp luật là có căn cứ nên không chấp nhận phần kháng cáo này của vợ chồng ông M

[3.3]. Ông Nguyễn Hữu Đ kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản thửa đất số 486. Như đã phân tích về nguồn gốc thửa đất 486 tại mục [3.2]. Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đều thể hiện nguồn gốc thửa đất 486 là của ông Nguyễn B3 chết để lại cho con trai Nguyễn Mai. Sau khi ông Nguyễn M1 chết thửa đất trên giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H4. Đồng thời, các đương sự bà Võ Thị C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị H3 đều thống nhất thửa đất 486 là di sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H4, bà Nguyễn Thị L3 chết để lại. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Đ không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa Luật sư phát biểu luận cứ đề nghị công nhận thửa đất số 325 tờ bản đồ số 1 diện tích 330m² là của vợ chồng ông Nguyễn Thanh M; thửa đất số 326 tờ bản đồ số 01 diện tích 150m² là di sản thừa kế do cha mẹ để lại nên yêu cầu chia và xin nhận 75m². Lời đề nghị của Luật sư không phù hợp với nhận định HĐXX nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung là không cần thiết nên HĐXX không chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên người kháng cáo bà Đặng Thị D, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thị Xuân H5, ông Nguyễn Hữu Đ là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 308 BLTTDS.
- Điều 219, 221, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 658 BLDS.
- Điểm Điều 179 Luật đất đai 2013.
- Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 03/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1.** Đình chỉ kháng cáo về yêu cầu xem xét thời hiệu chia thừa kế.
- 2.** Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị D, ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị Xuân H5, ông Nguyễn Hữu Đ. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 175/2023/DSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- 3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Thanh M, bà Trần Thị Xuân H, ông Nguyễn Hữu Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí phúc thẩm. H6 lại cho bà D1, ông M, bà H, ông Đ mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo thứ tự các biên lai thu tiền số 0001435 ngày 18/12/2023; biên lai thu tiền số 0001437, 0001438 ngày 20/12/2023; biên lai thu tiền số 0001444 ngày 26/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- 4.** Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:
Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.
Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.
- 5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định.
- TAND huyện T.
- CCTHADS huyện T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hải